

 rừng	 sông	川 Dòng sông này có nước mát và trong. その川は水が冷たくてきれいです。 レッスン44・自然と場所	森 Một khu rừng đầy cây cối. 森は木でいっぱいです。 レッスン44・自然と場所
 hồ	 núi	山 Họ đã leo lên ngọn núi cao đó. 彼らは高い山に登りました。 レッスン44・自然と場所	湖 Cô ấy bơi trong cái hồ sâu. 彼女は深い湖で泳ぎます。 レッスン44・自然と場所
 thiên nhiên	 bờ biển	海岸 Đây là một bờ biển đẹp. これは美しい海岸です。 レッスン44・自然と場所	自然 Peter rất yêu thiên nhiên. ピーターさんは自然が大好きです。 レッスン44・自然と場所
 đảo	 sa mạc	砂漠 Sa mạc là một nơi rất khô hạn. 砂漠はとても乾燥している場所です。 レッスン44・自然と場所	島 Anh ấy sống trên một hòn đảo nhỏ. 彼は小さな島に住んでいます。 レッスン44・自然と場所

 thung lũng	 thác nước	滝 Họ đã nhìn thấy một thác nước rất đẹp. 彼らは美しい滝を見ました。 レッスン44・自然と場所	谷 Thung lũng này xanh tươi và rộng lớn. その谷は緑で広いです。 レッスン44・自然と場所
 vách đá	 đồng cỏ	草原 Cô ấy thích đi dạo trên những đồng cỏ. 彼女は草原を歩くのが好きです。 レッスン44・自然と場所	崖 Vách đá đó rất cao. あの崖はとても高いです。 レッスン44・自然と場所
 cây	 hoa	花 Bông hoa đỏ rất đẹp. その赤い花は美しいです。 レッスン45・木・花・植物	木 Con chó ngủ dưới gốc cây. 犬が木の下で眠っています。 レッスン45・木・花・植物
 lá	 cỏ	草 Con bò ăn cỏ. 牛が草を食べています。 レッスン45・木・花・植物	葉 Một chiếc lá rơi từ trên cây xuống. 木から葉が落ちた。 レッスン45・木・花・植物

 cây	 hòn đá	岩 Người đàn ông nhắc hòn đá nặng lên. その男は重い岩を持ち上げた。 レッスン45・木・花・植物	植物 Cái cây này có lá màu xanh. その植物は緑の葉をしています。 レッスン45・木・花・植物
 đá	 cành cây	枝 Con chim đậu trên cành cây. 鳥が枝にとまっています。 レッスン45・木・花・植物	石 Tôi tìm thấy một viên đá nặng. 重い石を見つけました。 レッスン45・木・花・植物
 rễ	 hạt	種 Người nông dân gieo hạt. 農家が種をまきます。 レッスン45・木・花・植物	根 Cây này có một cái rễ dài. この植物には長い根があります。 レッスン45・木・花・植物
 bụi cây	 gỗ	薪 Tôi cần gỗ để đốt lửa. 焚き火のために薪が必要です。 レッスン45・木・花・植物	茂み Con chim trốn trong bụi cây. 鳥が茂みの中に隠れています。 レッスン45・木・花・植物

		村 Ông bà tôi sống ở một ngôi làng nhỏ. 私の祖父母は小さな村に住んでいます。 レッスン172・田舎と自然	田舎 Anh ấy thích vùng nông thôn yên tĩnh. 彼は静かな田舎が好きです。 レッスン172・田舎と自然
		森 Đây là một chuyến đi dạo tuyệt vời trong rừng. これは森の中の素敵な散歩です。 レッスン172・田舎と自然	野原 Họ chơi ở ngoài cánh đồng. 彼らは野原で遊びます。 レッスン172・田舎と自然
		小川 Tôi thích tiếng của một con suối. 私は小川の音が好きです。 レッスン172・田舎と自然	牧草地 Cô ấy nhìn thấy những con bò trên đồng cỏ. 彼女は牧草地で牛を見ました。 レッスン172・田舎と自然
		小道 Họ cùng nhau đi bộ trên đường mòn trong rừng. 彼らは一緒に森の小道を歩きます。 レッスン172・田舎と自然	道 Con đường dẫn đến ngôi nhà. その道は家に続いています。 レッスン172・田舎と自然

 dã ngoại	 động vật hoang dã	野生動物 Cô ấy rất thích chụp ảnh động vật hoang dã. 彼女は野生動物の写真を撮るのが大好きです。 レッスン172・田舎と自然	ピクニック Dã ngoại là một bữa trưa ngoài trời thú vị. ピクニックは楽しい屋外のランチです。 レッスン172・田舎と自然
 nhà nông	 quan điểm	考え Họ đã chia sẻ quan điểm của họ với tôi. 彼らは自分の考えを私に話してくれました。 レッスン172・田舎と自然	農家 Bạn có thể nhìn thấy ngôi nhà nông cũ đó. 古い農家が見えます。 レッスン172・田舎と自然